TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HN-ST
Ngày: 29 - 8 - 2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Chi

Bà Huỳnh Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa: (Không tham gia)

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2019/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 647/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Phú V, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà S, đường N, Khóm M, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn:* Bà Thiệu Thị Minh T, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà M1, đường L, Khóm M2, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phú V trình bày:

Ông V và bà Thiệu Thị Minh T đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 ngày 10/01/2007, tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014, do bất đồng trong cuộc sống. Bà T trở về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Ông V nhiều lần muốn vợ

chồng đoàn tụ, đón vợ trở về chung sống cùng nhau nhưng bà T không đồng ý. Ông V yêu cầu ly hôn bà T.

Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thiệu Bảo T, sinh ngày 12/8/2007 và Nguyễn Thiệu Bảo N, sinh ngày 07/12/2008, đang do ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông V yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng con chung. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Thiệu Thị Minh T: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ hai lần Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do bà Nguyễn Ngọc M là mẹ ruột bà T nhận và cam kết giao lại văn bản. Tòa án không nhận văn bản trình bày ý kiến của bà T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do bà T vắng mặt hai lần, không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông V là người có quyền khởi kiện bà Thiệu Thị Minh T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T. Hội đồng xét xử xác định thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông V xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2014, do bất đồng trong cuộc sống, nay không còn tình cảm, yêu cầu ly hôn bà T. Bà T đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu do nguyên đơn đưa ra.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng của ông V, bà T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của ông V. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm. Vì vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V về việc ly hôn bà T.

[3] Về con chung: Hai cháu Nguyễn Thiệu Bảo T, sinh ngày 12/8/2007 và Nguyễn Thiệu Bảo N, sinh ngày 07/12/2008 đang do ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã thu thập ý kiến hai cháu Bảo T, Bảo N và các cháu đều thể hiện nguyện vọng muốn sống cùng cha là ông V. Quá trình giải quyết vụ án, bà T không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về việc không đồng ý với ý kiến ông

V yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc bà T giao ông V nuôi dưỡng hai cháu Bảo T, Bảo N. Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng con chung, nên không buộc bà T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng các con chung.

[4] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nợ chung: Không có. Án phí: Ông V nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 186, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phú V.

Ông Nguyễn Phú V và bà Thiệu Thị Minh T ly hôn với nhau.

Con chung: Buộc bà Thiệu Thị Minh T giao ông Nguyễn Phú V nuôi dưỡng hai con chung tên Nguyễn Thiệu Bảo T, sinh ngày 12/8/2007 và Nguyễn Thiệu Bảo N, sinh ngày 07/12/2008. Bà Thiệu Thị Minh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng các con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Buộc ông Nguyễn Phú V nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số No 0004574 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên ông Nguyễn Phú V không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- UBND phường N, tpVL: 1;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân